

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH HÀ GIANG

Số: 148./KL-CTHADS

Hà Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2019

**KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO**

**Đối với ông Đặng Ngọc Thanh, chức vụ: Chi cục trưởng  
Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang**

Ngày 04/01/2019, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang đã có Quyết định số 03/QĐ-CTHADS về việc xác minh nội dung tố cáo của ông Nguyễn Văn Tuấn, thường trú tại: Tổ 11, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đối với ông Đặng Ngọc Thanh, chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Xét nội dung tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh tố cáo, các tài liệu, bằng chứng có liên quan, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang kết luận như sau:

**I/ KẾT QUẢ XÁC MINH CÁC NỘI DUNG TỐ CÁO:**

**1/ Nội dung tố cáo:**

*“Ông Đặng Ngọc Thanh Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình dẫn đến nhiều sai phạm trong quá trình thi hành án theo quyết định thi hành án số 14/QĐ-CCTHADS của Chi cục THADS huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang ngày 25/03/2016... Ông Đặng Ngọc Thanh ra quyết định trái pháp luật.*

*....không tiến hành kiểm tra, giám sát vụ việc ban hành quyết định trái pháp luật, cụ thể, Quyết định số 03/QĐ-CCTHADS ngày 25/10/2016 kê biên quyền sử dụng đất của gia đình tôi ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tôi và gia đình. Thiệt hại về tài sản là rất lớn vì từ 1 tài sản giá trị (khoảng 800.000.000 theo giá thị trường) giảm giá trị đáng kể còn 367.051.500 đồng...”*

**2/ Nội dung giải trình của người bị tố cáo:**

- Ông Đặng Ngọc Thanh, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang (người bị tố cáo) giải trình các nội dung ông Nguyễn Văn Tuấn tố cáo như sau:

\* Nội dung ông Nguyễn Văn Tuấn tố cáo: *“Ông Đặng Ngọc Thanh - Chi cục trưởng, Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình... dẫn đến nhiều sai phạm trong*

quá trình thi hành án theo Quyết định thi hành án số 14/QĐ-CCTHADS ngày 25/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang. Thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát việc ban hành quyết định trái pháp luật, cụ thể: Quyết định số 03/QĐ-CCTHADS ngày 25/10/2016 kê biên quyền sử dụng đất của gia đình ông Tuấn ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông và gia đình”.

Nội dung tố cáo của ông Nguyễn Văn Tuấn là hoàn toàn sai sự thật. Bởi vì với vai trò trách nhiệm là Chi cục trưởng, tôi đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 23 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 (sau đây ghi là Luật THADS), thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành theo đúng quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, tích cực chủ động quán triệt cán bộ, Chấp hành viên trong đơn vị nói chung và Chấp hành viên Lê Quang Trọng nói riêng trong thực thi công vụ theo chức danh và vị trí việc làm, quá trình tác nghiệp Chấp hành viên phải luôn tuân theo pháp luật để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự và người liên quan. Cụ thể:

Sau khi nhận được đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (kèm theo là các bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật) tôi đã căn cứ các quy định của pháp luật để ban hành quyết định thi hành án số 14/QĐ-CCTHADS ngày 25/3/2016 đối với bà Đỗ Thị Thủy, địa chỉ: Tổ 11, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang và phân công cho Chấp hành viên Lê Quang Trọng tổ chức thi hành. Như vậy việc ra quyết định thi hành án và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Quá trình Chấp hành viên tổ chức thi hành án đối với bà Thủy hoàn toàn tuân theo quy định của pháp luật, bản thân đã chỉ đạo Chấp hành viên thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc tổ chức thi hành án, chỉ đạo, giám sát, yêu cầu Chấp hành viên thường xuyên báo cáo tiến độ giải quyết vụ việc tại các buổi họp cơ quan, tiến độ và chất lượng giải quyết vụ Đỗ Thị Thủy đều được thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Khi có kết quả xác minh Chấp hành viên đã thông báo cho đương sự và ông Tuấn biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; khi phát hiện bà Thủy có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, tẩu tán tài sản nên Chấp hành viên đã áp dụng biện pháp kê biên ngay là phù hợp với Điều 45 Luật THADS. Khi ông Nguyễn Văn Tuấn (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã có đơn khiếu nại đối với Chấp hành viên Lê Quang Trọng trong việc không thông báo các văn bản về thi hành án, xác minh, kê biên trái pháp luật quyền sử dụng đất của ông Tuấn, với trách nhiệm là người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo, tôi cũng đã thực hiện giải quyết đúng quy định của pháp luật, nội dung quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận nội dung tố cáo đều khẳng định việc giải quyết thi hành án của Chấp hành viên là đúng quy định. Đến nay ông Tuấn lại có đơn tố cáo với nội

dung nêu trên, qua quá trình thụ lý, giải quyết khiếu nại, báo cáo giải trình của Chấp hành viên, quá trình quản lý, kiểm tra, chỉ đạo Chấp hành viên tổ chức thi hành vụ việc, bản thân khẳng định quá trình tổ chức thi hành án của Chấp hành viên là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

Việc ban hành quyết định số 03/QĐ-CCTHADS ngày 25/10/2016 của Chấp hành viên kê biên quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Tuấn, bà Thủy là hoàn toàn đúng theo quy định. Cụ thể:

Quá trình xác minh điều kiện thi hành án của bà Thủy, Chấp hành viên cho bà Thủy tự kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại khoản 2 Điều 7a Luật THADS, bà Thủy tự kê khai tài sản, thu nhập và khẳng định mình không có tài sản, thu nhập gì để thi hành án. Tuy nhiên Chấp hành viên nhận thấy bà Thủy đang sinh sống ổn định lâu dài trên 01 nhà xây cấp 4 tại địa chỉ tổ 11, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, Chấp hành viên đã phối hợp cùng chính quyền địa phương, cơ quan hữu quan, Văn phòng đăng ký đất đai và cá nhân liên quan để tiến hành xác minh, làm rõ điều kiện tài sản của bà Đỗ Thị Thủy. Kết quả xác minh cho thấy: Trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, bà Đỗ Thị Thủy và ông Nguyễn Văn Tuấn có tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 81.6m<sup>2</sup>; tại thửa số 25b tờ bản đồ số: 1+2+3+4 bản đồ địa chính Việt Quang mục đích sử dụng: Đất thổ cư; thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ thửa đất: Khu Quang Thành- thị trấn Việt Quang- huyện Bắc Quang- tỉnh Hà Giang; đã được UBND tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 024010; vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất số 236/QSDĐ/2745 ngày 20/5/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn Tuấn; địa chỉ: Khu Quang Thành (nay là Tổ 11), thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; Tài sản gắn liền trên đất có một nhà xây cấp 4 mái lợp Prôximăng; tường gạch chỉ; nền lát bằng gạch hoa có diện tích sử dụng khoảng 80m<sup>2</sup> và công trình phụ trợ. Tại thời điểm xác minh tài sản hộ ông Tuấn không mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để thế chấp hay giao dịch bảo đảm.

Căn cứ kết quả xác minh, Chấp hành viên đã báo ông Tuấn đến làm việc, nhưng ông Tuấn cố tình không đến, đặc biệt ngày 07/9/2016 Chấp hành viên đã ra Thông báo số 694/TB-CCTHADS và 695/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đã xác minh để đảm bảo thi hành án và xác định phần sở hữu tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung của vợ chồng trong giai đoạn hôn nhân hợp pháp, thông báo quyền khởi kiện của đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nếu không đồng ý với việc xác định của Chấp hành viên. Hết thời hạn ấn định trong thông báo nhưng đương sự và người liên quan (ông Tuấn) không thực hiện khởi kiện. Như vậy đương nhiên ông Tuấn đã thừa nhận tài sản đã xác minh là tài sản chung với bà Thủy trong giai đoạn hôn nhân hợp pháp.

Khi ông Tuấn và bà Thủy ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly

hôn và sự thoả thuận của các đương sự số: 42/2010/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2010 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, các bên không đề nghị Toà án giải quyết về tài sản chung. Quá trình giải quyết vụ việc ông Tuấn cho rằng có thoả thuận tự phân chia tài sản với bà Thủy và trả tiền cho bà Thủy để ông nhận nhà, đất sau ly hôn nhưng hai bên không làm thủ tục trước bạ tại Cơ quan đăng ký quyền sử dụng đất. Vì vậy, Chấp hành viên không có cơ sở để xác định tài sản trên là của cá nhân ông Tuấn mà phải xác định đây là khối tài sản chung của vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật.

Như vậy kết quả xác minh cho thấy: Tại thời điểm xác minh bà Đỗ Thị Thủy có duy nhất điều kiện thi hành án là bất động sản được hình thành trong giai đoạn hôn nhân hợp pháp với ông Nguyễn Văn Tuấn nhưng bà Thủy kê khai không trung thực, không tự nguyện thi hành án, có dấu hiệu trốn tránh, tẩu tán tài sản, cho nên Chấp hành viên áp dụng biện pháp kê biên là phù hợp với Điều 45 Luật THADS. Do đó, việc ban hành quyết định số: 03/QĐ-CCTHADS ngày 25/10/2016 Chấp hành viên đã căn cứ quy định Khoản 5 Điều 20, khoản 3 Điều 71, Điều 74, Điều 110, Điều 111, Điều 112 Luật THADS về kê biên Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản hình thành trong giai đoạn hôn nhân hợp pháp của bà Đỗ Thị Thủy và ông Nguyễn Văn Tuấn là hoàn toàn đúng theo quy định.

Đối với nội dung ông Tuấn cho rằng: Bà Thủy có tài sản khác bao gồm: Xe máy, 02 quyền sử dụng đất đã tặng cho. Với nội dung này, cá nhân tôi đã tiến hành xem xét hồ sơ thi hành án, tính chất vụ việc như nội dung phân tích trên cho thấy:

- Thứ nhất, ông Tuấn cung cấp thông tin tài sản là chiếc xe máy và 02 quyền sử dụng đất khi Chấp hành viên đã thực hiện xong việc kê biên, bán đấu giá theo quy định. Trong trường hợp này đối chiếu với các điều luật thì chưa có một văn bản nào quy định là khi bán đấu giá xong mà có thông tin tài sản mới thì Chấp hành viên tiến hành kê biên tài sản mới.

- Thứ hai, đối với chiếc xe máy nếu có thông tin tại thời điểm xác minh thì với loại xe ông Tuấn cung cấp cũng sẽ không đủ để đảm bảo việc thi hành án và chi phí cưỡng chế; đối với quyền sử dụng đất do không có thông tin, bà Thủy tặng cho trước thời điểm xác minh cho nên kết quả xác minh của Chấp hành viên chỉ thể hiện duy nhất ngôi nhà và quyền sử dụng đất mà bà Thủy ông Tuấn đang ở cùng nhưng có dấu hiệu trốn tránh, tẩu tán cho nên Chấp hành viên kê biên ngay là phù hợp với Điều 9, Điều 45 Luật THADS và các Điều 13, Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, cụ thể tại Khoản 1 Điều 24 có quy định: “1. Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài

*sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án....”.*

Như vậy với tinh thần điều luật là không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án, nhưng trong trường hợp này bà Thủy có tài sản khác là quyền sử dụng đất bị kê biên trên do đó việc viết đơn của ông Tuấn là không có cơ sở để chấp nhận.

\* Về nội dung ông Nguyễn Văn Tuấn tố cáo: “*Ông Đặng Ngọc Thanh... không tiến hành kiểm tra, giám sát, dẫn đến gây thiệt hại về tài sản là rất lớn vì từ một tài sản giá trị khoảng 800.000.000đ theo giá thị trường giảm giá trị đáng kể còn 367.051.500đ”.*

Nội dung tố cáo của ông Tuấn là hoàn toàn sai sự thật vì toàn bộ quá trình tổ chức thi hành án của Chấp hành viên Lê Quang Trọng đối với người phải thi hành án là bà Thủy đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc xác định giá tài sản kê biên và bán đấu giá tài sản kê biên được thực hiện một cách khách quan, đúng theo quy định. Cụ thể:

Sau khi kê biên, Chấp hành viên đã thông báo cho đương sự quyền thỏa thuận về giá tài sản, tổ chức thẩm định giá tài sản đã kê biên để đảm bảo thi hành án; Thông báo quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đối với tài sản đã kê biên; Thông báo kết quả xác định giá đối với tài sản đã kê biên để thi hành án; Thông báo về quyền ưu tiên mua tài sản chung đã kê biên; Thông báo về việc thỏa thuận tổ chức bán đấu giá tài sản. Tuy nhiên, hết thời hạn do Chấp hành viên ấn định đương sự không thỏa thuận, trên địa bàn tỉnh Hà Giang không có tổ chức thẩm định giá tài sản, không ký được hợp đồng dịch vụ thẩm định giá cho nên Chấp hành viên đã căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; khoản 1 Điều 26 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự để xác định giá theo đúng quy định của pháp luật. Kết quả xác định giá đã được thông báo cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành và các bên đều không có ý kiến gì về giá tài sản đã kê biên.

Việc bán đấu giá thuộc thẩm quyền của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh Hà Giang thực hiện theo hợp đồng đã ký, theo quy chế đấu giá và theo quy định của pháp luật về đấu giá. Sau mỗi lần bán đấu giá không thành theo thông báo của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá, Chấp hành viên đã thực hiện việc thông báo về quyền thỏa thuận mức giảm giá cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giảm giá và thông báo về việc giảm giá, thông báo cho ông Tuấn biết và thực hiện quyền ưu tiên mua theo quy định hiện hành, đặc biệt, ngày 02/4/2018 (trước ngày tổ chức bán đấu giá) cán bộ Chấp hành viên cơ quan Thi hành án còn trực tiếp đến nhà của bà Thủy, ông Tuấn để động viên, giải thích, hướng dẫn bà Thủy có quyền nộp tiền phải thi hành án và các chi phí cưỡng chế, chi phí phát sinh để Chấp hành viên thông báo cho Trung Tâm bán đấu giá, tuy

nhiên bà Thủy không thực hiện. Đến lần giảm giá thứ 3 và bán tài sản lần thứ 4, căn cứ Công văn số: 145/CV-TT ngày 03/4/2018 của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang thì ngày 03/4/2018 đã bán đấu giá thành tài sản kê biên; Giá trúng đấu giá là 370.000.000đ (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*).

Từ những giải trình trên tôi khẳng định nội dung tố cáo của ông Tuấn là hoàn toàn sai sự thật. Quá trình tổ chức thi hành án của Chấp hành viên đối với người phải thi hành án là bà Đỗ Thị Thủy hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

### **3/ Nội dung những tài liệu, bằng chứng mà Đoàn xác minh tố cáo đã thu thập được để chứng minh tính đúng, sai của hành vi bị tố cáo:**

\* Đoàn xác minh tố cáo đã kiểm tra toàn bộ các tài liệu có trong Hồ sơ thi hành án đối với bà Đỗ Thị Thủy (do Chi cục trưởng, Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang cung cấp), kết quả cho thấy:

- Về việc ra Quyết định thi hành án: Ngày 22/3/2016 Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang nhận được đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (kèm theo các bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật). Ngày 25/3/2016 Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã ra Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số: 14/QĐ-CCTHADS, cho thi hành đối với bà Đỗ Thị Thủy, địa chỉ: Tổ 11, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phải thi hành khoản: Thanh toán cho bà Vũ Thị Dung, địa chỉ: Tổ 8, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang số tiền: 27.323.500đ (*Hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi ba nghìn năm trăm đồng*) và lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, kể từ ngày 22/3/2016.

Như vậy việc ra quyết định thi hành án đã được thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 23, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 36 Luật THADS.

- Về xác minh điều kiện thi hành án:

Ngày 29/3/2016 bà Đỗ Thị Thủy (người phải thi hành án) thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án như sau: “Hiện nay bản thân tôi không có tài sản, không có thu nhập ổn định, thu nhập chỉ đủ để phục vụ sinh hoạt tối thiểu hàng ngày, vì vậy tôi không có tài sản, thu nhập, điều kiện để thi hành án”.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7a Luật thi hành án năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người phải thi hành án phải có nghĩa vụ: “*b) Kê khai trung thực tài sản, điều kiện thi hành án; cung cấp đầy đủ tài liệu, giấy tờ có liên quan đến tài sản của mình khi có yêu cầu của người có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai đó*”.

Chấp hành viên đã tiến hành xác minh tài sản, điều kiện thi hành án đối với bà Đỗ Thị Thủy theo quy định tại Điều 20 Luật THADS, kết quả xác minh:

Bà Đỗ Thị Thủy chỉ có tài sản chung duy nhất với chồng là ông Nguyễn Văn Tuấn, công tác tại: Kho K64 - Phòng kỹ thuật - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang, địa chỉ: Tổ 11, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, tài sản chung gồm:

Quyền sử dụng đất diện tích 81.6m<sup>2</sup>; tại thửa số 25<sup>b</sup> tờ bản đồ số: 1+2+3+4 bản đồ địa chính Việt Quang mục đích sử dụng: Đất thổ cư; thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ thửa đất: Khu Quang Thành, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số S 024010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp và vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 236/QSDD/2745 ngày 20/5/2001 cho chủ hộ là ông Nguyễn Văn Tuấn, địa chỉ: Khu Quang Thành (nay là Tổ 11), thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang). Tài sản gắn liền trên đất có một nhà xây cấp 4 mái lợp Prôximăng; tường làm bằng gạch chỉ; nền lát bằng gạch hoa và công trình phụ trợ.

Trên cơ sở kết quả xác minh, Chấp hành viên đã thực hiện thông báo cho ông Tuấn (người có quyền lợi liên quan) đến cơ quan Thi hành án để giải quyết, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản chung, thông báo về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đã xác minh để đảm bảo thi hành án và xác định phần sở hữu tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung của vợ chồng trong giai đoạn hôn nhân hợp pháp ... Toàn bộ nội dung Thông báo, giấy báo này đã gửi (thông báo hợp lệ) cho ông Nguyễn Văn Tuấn.

- Về kê biên, bán đấu giá tài sản:

Qua kết quả xác minh cho thấy bà Đỗ Thị Thủy đã không trung thực trong việc tự kê khai tài sản. Bà Thủy có tài sản là bất động sản được hình thành trong giai đoạn hôn nhân hợp pháp với ông Tuấn đã được Chấp hành viên thông báo, hướng dẫn nhưng bà Thủy không thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Hết thời hạn ấn định trong thông báo nhưng đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Tuấn) không thực hiện khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung. Do đó Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 20, khoản 3 Điều 71, Điều 74, Điều 110, Điều 111, Điều 112 Luật Thi hành án dân sự, ngày 25/10/2016 Chấp hành viên đã ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số: 03/QĐ-CCTHADS, kê biên Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bị kê biên là tài sản hình thành trong giai đoạn hôn nhân hợp pháp của bà Đỗ Thị Thủy và ông Nguyễn Văn Tuấn.

Trước khi tổ chức kê biên, Chấp hành viên đã thực hiện Thông báo cưỡng chế cho đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong đó có ông Tuấn để ông Tuấn biết tham gia thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2017 ông Nguyễn Văn Tuấn cung cấp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang 01 biên bản thỏa thuận chia tài sản vợ chồng (đề

ngày 30/10/2010) và 01 giấy biên nhận tiền (đề ngày 30/10/2010). Ông Tuấn thừa nhận đây là tài sản chung vợ chồng nhưng vợ chồng ông đã tự thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng từ ngày 30/10/2010.

Căn cứ Điều 695 Bộ Luật Dân sự năm 2005; Điều 503 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013, xét thấy việc tự phân chia tài sản (nhà, đất) vợ chồng của ông Nguyễn Văn Tuấn và bà Đỗ Thị Thủy mà chưa thực hiện việc đăng ký đất đai qua cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây vẫn là tài sản chung vợ chồng (ông Tuấn, bà Thủy). Đồng thời nội dung giấy thỏa thuận và giấy biên nhận tiền này có sự mâu thuẫn về thời gian, cụ thể: Giấy thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng và giấy biên nhận tiền được lập từ năm 2010 nhưng trong nội dung lại ghi: Đỗ Thị Thủy có số chứng minh thư... được cấp năm 2015. Nếu như 2 giấy này được lập từ năm 2010 thì không thể biết được số chứng minh thư được cấp năm 2015. Vì vậy trong trường hợp này, Chấp hành viên không có căn cứ để dừng việc kê biên, bán tài sản để đảm bảo thi hành án đối với bà Đỗ Thị Thủy.

Ngày 11/01/2017, Chấp hành viên đã tổ chức cưỡng chế thi hành án đối với bà Đỗ Thị Thủy bằng biện pháp kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án. Tài sản kê biên gồm:

Quyền sử dụng đất diện tích 78,6m<sup>2</sup> (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì quyền sử dụng đất có diện tích 81.6m<sup>2</sup> nhưng tại buổi kê biên, Hội đồng cưỡng chế tiến hành đo đạc thực tế thấy trong quá trình sử dụng có biến động diện tích chỉ còn 78,6m<sup>2</sup>, diện tích 39,9 m<sup>2</sup> chưa được cấp Giấy chứng nhận đã sử dụng ổn định từ lâu nhưng không thuộc diện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy Hội đồng cưỡng chế quyết định kê biên quyền sử dụng đất diện tích 78,6m<sup>2</sup>) tại thửa số 25<sup>b</sup>; tờ bản đồ số: 1+2+3+4 bản đồ địa chính Việt Quang; mục đích sử dụng: Đất thổ cư; thời hạn sử dụng: Lâu dài, địa chỉ thửa đất: Khu Quang Thành, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã được UBND tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 024010; vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 236/QSDĐ/ 2745 ngày 20/5/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn Tuấn; Trú tại: Khu Quang Thành (nay là Tổ 11), thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang; Tài sản gắn liền trên đất có một nhà xây cấp 4 mái lợp Prôximăng; tường làm bằng gạch chỉ; nền lát bằng gạch hoa có diện tích sử dụng 77,08m<sup>2</sup> và công trình phụ trợ.

Tại buổi cưỡng chế thi hành án, người phải thi hành án là bà Đỗ Thị Thủy và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Tuấn có mặt, tham gia buổi cưỡng chế nhưng cả hai người đều từ chối không ký vào các biên bản liên quan đến buổi cưỡng chế mặc dù đã được Chấp hành viên giải thích hướng dẫn việc thực hiện quyền khởi kiện.

Trước và trong khi kê biên, căn cứ quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của



Chính phủ, Chấp hành viên đã xác định phần sở hữu tài sản của bà Đỗ Thị Thủy trong khối tài sản chung của vợ chồng; hướng dẫn đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về quyền khởi kiện tại Tòa án yêu cầu xác định phần sở hữu của người phải thi hành án trong khối tài sản chung của vợ chồng trong giai đoạn hôn nhân hợp pháp, nếu không đồng ý với việc xác định của Chấp hành viên như các nội dung được đề cập ở trên thì có quyền khởi kiện, nhưng ông Tuấn, bà Thủy không khởi kiện.

Tiếp đó, Chấp hành viên đã ban hành Thông báo, ấn định thời hạn để đương sự, người có tranh chấp thỏa thuận phân chia tài sản, khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, nội dung thông báo được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn do Chấp hành viên ấn định, các bên đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện việc khởi kiện. Vì vậy Chấp hành viên đã tiến hành xác định giá và gửi thông báo cho đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết, thông báo quyền ưu tiên mua tài sản cho ông Nguyễn Văn Tuấn. Nội dung Thông báo được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn được ấn định, ông Tuấn không thực hiện việc ưu tiên mua tài sản. Vì vậy, Chấp hành viên đã tiến hành ký Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản kê biên để thi hành án và thực hiện việc thông báo, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Sau mỗi lần bán đấu giá không thành đối với tài sản đã kê biên, Chấp hành viên đều đã thực hiện việc giảm giá và thông báo về việc giảm giá, thông báo cho ông Tuấn biết và thực hiện quyền ưu tiên mua tài sản... theo quy định của pháp luật hiện hành, nội dung thông báo được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Đến lần giảm giá thứ 3 và bán tài sản lần thứ 4, căn cứ Công văn số: 145/CV-TT ngày 03/4/2018 của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản - Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang thì ngày 03/4/2018 đã bán đấu giá thành tài sản kê biên; Giá trúng đấu giá là 370.000.000đ (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*); Người trúng đấu giá là ông Nguyễn Đức Kỳ (Số CMND: 073338606; cấp ngày 21/5/2012; Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Giang), địa chỉ: Tổ 8, phường Quang Trung, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Như vậy căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thi hành án đã thể hiện việc thụ lý và tổ chức thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã được thực hiện đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

\* Đoàn xác minh tố cáo đã làm việc với người bị tố cáo (ông Đặng Ngọc Thanh, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang), ông Đặng Ngọc Thanh báo cáo toàn bộ quá trình tổ chức thi hành án đối với bà Đỗ Thị Thủy, địa chỉ: Tổ 11, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã đảm bảo tuân thủ nghiêm trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, toàn bộ nội dung tố cáo của ông Tuấn là tố cáo sai sự thật (Kèm theo toàn bộ hồ sơ thi

hành án đối với bà Đỗ Thị Thủy; hồ sơ khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thi hành án đối với bà Đỗ Thị Thủy).

\* Đoàn xác minh tố cáo đã xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Bắc Quang, kết quả cho thấy:

Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Bắc Quang đã cung cấp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang về việc hộ ông Nguyễn Văn Tuấn có quyền sử dụng đất duy nhất là quyền sử dụng diện tích 81,6m<sup>2</sup> tại thửa 25b tờ bản đồ số 1,2,3,4 bản đồ địa chính Việt Quang, được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 024010 là hoàn toàn đúng. Tại thời điểm xác minh hộ ông Tuấn không mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để thế chấp hay giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Bắc Quang. Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Bắc Quang đã cung cấp cho cơ quan thi hành án 01 bản phô tô tờ khai lệ phí trước bạ mang tên Nguyễn Anh Tuấn (Nguyễn Văn Tuấn), 01 bản phô tô biên lai thu lệ phí trước bạ người nộp tiền ông Nguyễn Anh Tuấn, 01 bản phô tô biên lai thu thuế chuyển quyền sử dụng đất người nộp tiền ông Nguyễn Anh Tuấn. Ngoài ra Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Bắc Quang không cung cấp thêm thông tin, tài liệu gì.

Đối với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01463 do Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang cấp ngày 14/9/2010 cho bà Đỗ Thị Thủy, trong Giấy chứng nhận thể hiện bà Đỗ Thị Thủy đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn Chung, trú tại Thôn Trung Tâm, xã Liên Hiệp, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vào sổ theo dõi biến động đất đai ngày 03/02/2016 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00475 do Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang cấp ngày 29/3/2012 cho bà Đỗ Thị Thủy, trong Giấy chứng nhận thể hiện bà Đỗ Thị Thủy đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn Chung, trú tại Thôn Trung Tâm, xã Liên Hiệp, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vào sổ theo dõi biến động đất đai ngày 28/01/2016). Thời điểm Chấp hành viên xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Bắc Quang thì bà Đỗ Thị Thủy trước đó đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn Chung, trú tại Thôn Trung Tâm, xã Liên Hiệp, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang nên 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên không thuộc quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị Thủy nữa. Vì vậy Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Bắc Quang không cung cấp cho cơ quan thi hành án.

\* Đoàn xác minh tố cáo đã làm việc, đối thoại trực tiếp với người tố cáo (là ông Nguyễn Văn Tuấn) và người phải thi hành án (bà Đỗ Thị Thủy) để xác minh, làm rõ các nội dung tố cáo. Tại buổi làm việc ông Tuấn, bà Thủy trình bày: “Năm 1993 chúng tôi kết hôn, năm 2001 hai vợ chồng tôi có mua đất của bà Đỗ Thị Ngán, hiện chuyển lên sống ở thành phố Hà Giang không rõ địa chỉ. Năm 2010 hai vợ chồng tôi ly hôn tại Tòa án nhưng không yêu cầu Tòa án phân

chia tài sản chung của vợ chồng mà sau đó chúng tôi tự chia tài sản nhà, đất, giấy tờ tự phân chia tôi (ông Tuấn) đã cung cấp cho cơ quan thi hành án.

Khi Chấp hành viên xác minh, kê biên tài sản tôi (bà Thủy) vẫn đang ở ổn định lâu dài cùng hai con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1998) trên diện tích đất 81,6m<sup>2</sup>, tại thửa số 25b tờ bản đồ số 1, 2, 3, 4 bản đồ địa chính Việt Quang được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn Tuấn tại địa chỉ: Khu Quang Thành (nay là tổ 11), thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang”.

Ý kiến của ông Tuấn: Tại buổi cưỡng chế của cơ quan thi hành án tôi được cơ quan thi hành án thông báo biết và tôi có ở nhà, tham gia buổi cưỡng chế, được giải thích quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định nhưng tôi không ký vào biên bản vì đây là tài sản riêng của tôi, tôi đã mua lại của bà Thủy theo thỏa thuận giữa tôi và bà Thủy.

Hội đồng cưỡng chế, Chấp hành viên đã giải thích, hướng dẫn cho tôi có quyền khởi kiện ra Tòa và quyền ưu tiên mua tài sản nhưng do trình độ pháp luật của tôi còn hạn chế, tôi cho rằng đây là tài sản riêng của tôi, tôi không tranh chấp với ai nên tôi không thực hiện việc khởi kiện ra Tòa và không thực hiện việc ưu tiên mua tài sản.

Các thông báo trước của Chấp hành viên trong quá trình tổ chức thi hành án tôi đều nhận được. Riêng việc bán đấu giá tài sản tôi chỉ nhận được cơ quan thi hành án thông báo trước 01 ngày.

Ý kiến của bà Thủy: Tại buổi cưỡng chế của cơ quan thi hành án tôi được cơ quan thi hành án thông báo biết và tôi có ở nhà, tham gia buổi cưỡng chế, được giải thích quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định nhưng tôi không ký vào biên bản vì tôi chỉ ở nhờ trên đất nhà của ông Tuấn, đây không phải là tài sản của tôi.

Chấp hành viên đã giải thích, hướng dẫn cho tôi có quyền khởi kiện ra Tòa nhưng tôi đã nhận tiền của ông Tuấn theo thỏa thuận giữa tôi và ông Tuấn, đây là tài sản riêng của ông Tuấn, tôi chỉ ở nhờ nên tôi không thực hiện việc khởi kiện ra Tòa.

Tôi có điều kiện thi hành án nhưng không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ thi hành án vì trước đó tôi đã trả số tiền 27 triệu cho bà Vũ Thị Dung nhưng vì tôi không có chứng cứ nên tôi bị thua kiện tại Tòa án...”.

Như vậy, với nội dung trình bày trên ông Tuấn, bà Thủy đã khẳng định tài sản mà Chấp hành viên đã kê biên, cưỡng chế để đảm bảo thi hành án đối với bà Đỗ Thị Thủy là tài sản chung vợ chồng nhưng ông Tuấn, bà Thủy đã có thỏa thuận tự chia tài sản nhà, đất mà chưa thực hiện việc đăng ký đất đai qua cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Mặc dù đã được Chấp hành viên giải thích, hướng dẫn quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nhưng không khởi kiện ra Tòa, không tự nguyện thi hành án... vì cho rằng sau khi thỏa

thuận chia tài sản thì đây là tài sản của riêng ông Tuấn, bà Thủy chỉ là người ở nhờ.

Đồng thời tại buổi làm việc ông Tuấn trình bày: Sau khi cơ quan thi hành án bán đấu giá thành quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất, ông Tuấn mới được biết, bà Thủy còn có tài sản riêng khác để cung cấp cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang trong quá trình giải quyết tố cáo. Ông Nguyễn Văn Tuấn đã cung cấp các tài liệu (bản phô tô) để chứng minh việc bà Thủy còn có các tài sản riêng khác, gồm:

- Giấy tờ của 02 xe máy (trong đó: 01 giấy đăng ký xe máy mang tên bà Đỗ Thị Thủy, loại Click màu đen trắng đăng ký ngày 18/9/2012 và 01 hợp đồng mua bán xe ngày 30/10/2014 giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Sứ, ông Nguyễn Văn Thành và bà Đỗ Thị Thủy nhưng chưa ra cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký, sang tên cho bà Thủy).

- 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong đó: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01463 do Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang cấp ngày 14/9/2010 cho bà Đỗ Thị Thủy, trong Giấy chứng nhận thể hiện bà Đỗ Thị Thủy đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn Chung, trú tại: Thôn Trung Tâm, xã Liên Hiệp, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vào sổ theo dõi biến động đất đai ngày 03/02/2016 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00475 do Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang cấp ngày 29/3/2012 cho bà Đỗ Thị Thủy, trong Giấy chứng nhận thể hiện bà Đỗ Thị Thủy đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Văn Chung, trú tại Thôn Trung Tâm, xã Liên Hiệp, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vào sổ theo dõi biến động đất đai ngày 28/01/2016);

- 01 bản phô tô Giấy chứng nhận bảo hiểm nhân thọ Prudential, trên Giấy chứng nhận có ghi nội dung bà Thủy tham gia đóng cho hai cháu Nguyễn Anh Tú, Nguyễn Mạnh Tiến, thời gian tham gia từ 29/8/2008 đến 29/8/2022.

Tại buổi làm việc, Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang đã giải thích cho ông Tuấn, bà Thủy được biết về việc: Chấp hành viên đã thực hiện xong việc kê biên, bán đấu giá tài sản theo quy định, ông Tuấn mới cung cấp thông tin tài sản của người phải thi hành án (bà Thủy) gồm: Giấy tờ của 02 xe máy và 02 quyền sử dụng đất. Tuy nhiên Cục thi hành án dân sự vẫn tiến hành xác minh, làm rõ như sau:

- Đối với thông tin về 02 xe máy: Giả sử có thông tin tại thời điểm xác minh thì với loại xe ông Tuấn cung cấp (01 giấy đăng ký xe máy mang tên bà Đỗ Thị Thủy, loại Click màu đen trắng đăng ký ngày 18/9/2012) cũng sẽ không đủ để đảm bảo việc thi hành án và chi phí cưỡng chế và 01 hợp đồng mua bán xe ngày 30/10/2014 giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Sứ, ông Nguyễn Văn Thành và bà Đỗ Thị Thủy nhưng chưa ra cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký, sang tên cho bà Thủy. Theo quy định của pháp luật thì xe máy là loại tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, do đó không có cơ sở để khẳng định đây là

tài sản của bà Thủy.

- Đối với Giấy chứng nhận bảo hiểm nhân thọ Prudential, trên Giấy chứng nhận có ghi nội dung bà Thủy tham gia đóng cho hai cháu Nguyễn Anh Tú, Nguyễn Mạnh Tiến, thời gian tham gia từ 29/8/2008 đến 29/8/2022. Như vậy Cơ quan thi hành án không có căn cứ để thu được số tiền này của bà Thủy.

- Đối với quyền sử dụng đất: Bà Thủy tặng cho trước thời điểm ban hành Quyết định thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án cho nên kết quả xác minh của Chấp hành viên chỉ thể hiện duy nhất ngôi nhà và quyền sử dụng đất mà bà Thủy, ông Tuấn đang ở cùng nhưng có dấu hiệu trốn tránh, tẩu tán cho nên Chấp hành viên kê biên ngay để đảm bảo thi hành án là phù hợp với Điều 9, Điều 45 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) và Điều 13, Điều 24 Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự.

Tại khoản 1 điều 24 Nghị định số 62/2015NĐ-CP quy định: “1. Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án....”.

Như vậy theo quy định của điều luật trên thì trường hợp không còn tài sản khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đã tặng cho, bán, chuyển nhượng.. vẫn bị kê biên, xử lý để thi hành án. Tuy nhiên trong trường hợp này bà Thủy có tài sản khác là quyền sử dụng đất và nhà ở, các tài sản khác gắn liền trên đất nên Chấp hành viên đã kê biên, bán đấu giá để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án là hoàn toàn phù hợp với quy định của điều luật.

#### **4/ Nhận xét, đánh giá về nội dung tố cáo:**

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang; hồ sơ giải quyết khiếu nại của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang và các tài liệu đã thu thập được trong quá trình giải quyết tố cáo cũng như việc xác minh, đối thoại làm việc trực tiếp với người tố cáo, người bị tố cáo, người phải thi hành án, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang nhận thấy:

*Thứ nhất:* Việc Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang ra quyết định thi hành án đối với bà Đỗ Thị Thủy đã được thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 23, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 36 Luật THADS.

Quá trình tổ chức thi hành án đối với bà Đỗ Thị Thủy của Chấp hành viên, Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục các quy định của pháp luật về thi hành án dân sự (Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang đã trả lời ông Nguyễn Văn Tuấn tại Quyết định giải

quyết khiếu nại số 194/QĐ-CTHADS ngày 27/8/2018).

Do đó, việc ông Tuấn tố cáo Ông Đặng Ngọc Thanh, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình dẫn đến nhiều sai phạm trong quá trình thi hành án theo Quyết định thi hành án số 14/QĐ-CCTHADS của Chi cục THADS huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang ngày 25/03/2016... ra quyết định trái pháp luật là không đúng.

*Thứ hai:* Việc xác định giá tài sản kê biên và bán đấu giá tài sản kê biên:

Sau khi kê biên, Chấp hành viên đã thông báo cho đương sự quyền thỏa thuận về giá tài sản, tổ chức thẩm định giá tài sản đã kê biên để đảm bảo thi hành án; Thông báo quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đối với tài sản đã kê biên; Thông báo kết quả xác định giá đối với tài sản đã kê biên để thi hành án; Thông báo về quyền ưu tiên mua tài sản chung đã kê biên; Thông báo về việc thỏa thuận tổ chức bán đấu giá tài sản. Tuy nhiên, hết thời hạn do Chấp hành viên ấn định mà đương sự không thỏa thuận, do đó Chấp hành viên đã xác định giá theo đúng quy định của pháp luật. Kết quả xác định giá đã được thông báo cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật và các bên đều không có ý kiến gì về giá tài sản đã kê biên.

Chấp hành viên đã ký Hợp đồng ủy quyền bán đấu giá tài sản với Trung tâm bán đấu giá tài sản tỉnh Hà Giang theo đúng quy định của pháp luật, do đó việc bán đấu giá tài sản thuộc thẩm quyền của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh Hà Giang thực hiện theo hợp đồng đã ký và theo quy định của pháp luật về đấu giá. Sau mỗi lần bán đấu giá tài sản không thành theo thông báo của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá, Chấp hành viên đã thực hiện việc thông báo về quyền thỏa thuận mức giảm giá cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giảm giá và thông báo về việc giảm giá đều đã thông báo cho ông Tuấn biết và thực hiện quyền ưu tiên mua theo quy định hiện hành. Ngày 02/4/2018 (trước ngày tổ chức bán đấu giá) Cán bộ, Chấp hành viên Chi cục thi hành án còn trực tiếp đến nhà bà Thủy, ông Tuấn để động viên, giải thích, hướng dẫn bà Thủy có quyền lấy tài sản khác để đảm bảo thi hành án hoặc nộp tiền thi hành án và các chi phí cưỡng chế, chi phí phát sinh để Chấp hành viên thông báo cho Trung Tâm bán đấu giá, tuy nhiên bà Thủy không thực hiện. Đến lần giảm giá thứ 3 và bán tài sản lần thứ 4, căn cứ Công văn số: 145/CV-TT ngày 03/4/2018 của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản - Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang thì ngày 03/4/2018 đã bán đấu giá thành tài sản kê biên; Giá trúng đấu giá là 370.000.000đ (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*).

Như vậy việc bán đấu giá tài sản thuộc thẩm quyền của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tỉnh Hà Giang (Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang đã có văn bản số 347/STP-BTTP ngày 08/6/2018 trả lời ông Tuấn, về việc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản đã thực hiện các bước bán đấu giá tài sản theo đúng quy định của pháp luật).

Từ các nội dung trên cho thấy việc Ông Tuấn tố cáo Ông Đặng Ngọc Thanh, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát gây thiệt hại về tài sản là rất lớn vì từ 1 tài sản giá trị (khoảng 800.000.000 theo giá thị trường) giảm giá trị đáng kể còn 367.051.500 đồng là không có căn cứ.

## II/ KẾT LUẬN:

- Kết luận về những hành vi bị tố cáo:

Quá trình tổ chức thi hành án đối với bà Đỗ Thị Thủy, địa chỉ: Tổ 11, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, ông Đặng Ngọc Thanh, Chi cục trưởng Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang đã ra quyết định thi hành án, phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành án, chỉ đạo, giám sát Chấp hành viên tổ chức thi hành vụ việc theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Nội dung tố cáo của ông Nguyễn Văn Tuấn là hoàn toàn sai sự thật.

- Kết luận về việc người tố cáo cố ý hay không cố ý tố cáo sai sự thật:

Theo nội dung đơn tố cáo, các tài liệu ông Nguyễn Văn Tuấn đã cung cấp, Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang nhận thấy ông Tuấn không cố ý tố cáo sai sự thật mà do hiểu biết pháp luật về thi hành án dân sự chưa đầy đủ nên đã tố cáo sai sự thật.

## III/ KIẾN NGHỊ

Trong quá trình tổ chức thi hành án, quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo ông Nguyễn Văn Tuấn đã được cơ quan thi hành án hướng dẫn, giải thích đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang yêu cầu ông Tuấn Chấp hành nghiêm chỉnh Kết luận giải quyết tố cáo, tránh việc cố ý tố cáo sai sự thật hoặc tố cáo mang tính bịa đặt, vu khống. Trường hợp ông Nguyễn Văn Tuấn cố tình vi phạm, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

### Nơi nhận:

- Tổng cục THADS (để báo cáo);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang (biết);
- Phòng KT và GQKNTC;
- Người tố cáo, người bị tố cáo;
- Trang thông tin điện tử của Cục THADS;
- Lưu VT, HS.

**CỤC TRƯỞNG**  
**Lâm Anh Tuấn**